

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P6+P1	7:25	21+0+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P6-P1
2		P2+VSP01+P4+CLI	7:25	22+0+0+0	0+0+0+0		8+3+0+8	0+0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P2-P4
3		P9+BK10+TD3	9:25	6+2+12	0+0+0		0+0+19	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
* 1 AN TOÀN VÀ 5 BVL TỪ TD3 VỀ QUA GIÀN 2.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2019	TO: TD5 - P6 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thanh - Hoi - Nam	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	76	1	4		85	KHOAN	Russian
2	LE MANH THANG	TD5	81	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	VANEEV D.V	TD5	75	1	10		100	KHOAN	Russian
4	NGUYEN DUY TAM	TD5	83	1	5	20	60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN VINH	TD5	88-89	2	15		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	86	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VIET HA*PK-PVD	TD5	93	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THANH	TD5	80	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUC THINH	TD5	90-91	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	79	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM NAM HAI	TD5	85	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HAI	TD5	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LE ANH NGUYEN	TD5	84	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THUONG VU	TD5	87	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
15	VU DOAN HUNG	TD5	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THE HOI	TD5	73	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN LE	TD5	78	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TA TRUNG DUNG	TD5	77	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN TUAN ANH	TD5	74	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN ANH KHOA	TD5	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TRIET	TD5	82	1	10		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	23	154	1.524	20	16		CHUYEN 02 PAX TU P6 SANG P1
2	P6	0	0	0	0	0	1	2	
3	P1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	23	154	1.524	20	22		
WEIGHT KG				154	1.524	20			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2019	TO: P2 - VSP01 - P4 - CLI	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - Huy	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KUSHENKO	P2	40	1	7		115	KHI	Russian
2	LÊ VĂN YÊN	P2	50	1	3		54	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH KHOA	P2	41	1	3		72	KHI	Vietnamese
4	PHẦN ĐĂNG HAI	P2	60	1	2		60	KHI	Vietnamese
5	BUI SON HAI	P2	56	1	4		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN HOANG	P2				48	70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUAN	P2	59	1	5	75	73	KHI	Vietnamese
8	TRẦN DUY KHANH	P2	51-52	2	12		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG PHONG	P2	53	1	9		67	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN ANH TUÂN	P2	48	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUNG	P2	49	1	7		63	ANTOAN	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P2	45	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO ĐỨC THUẬN	P2	46	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN VĂN ĐƯƠNG	P2	42	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC VIỆT	P2	47	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM TIỀN ĐĂNG	P2	54-55	2	17		53	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ NGUYỄN MINH PHƯỚC	P2	57-58	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC VĂN	P2	43-44	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	21	149	1.258	123	8	12	CHUYEN 2 PAX TU P2 SANG P4
2	VSP01	0	0	0	0	0	3		
3	P4	0	0	0	0	0	0		
4	CLI	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		18	21	149	1.258	123	19		
WEIGHT KG				149	1.258	123			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

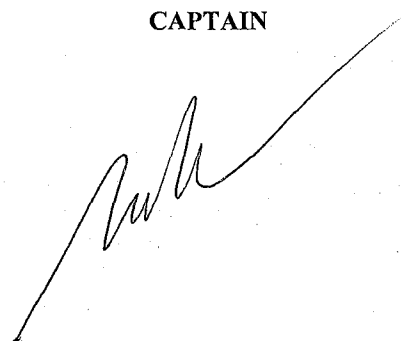
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2019	TO: P9 - BK10 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Thanh - Hồi - Năm	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	P9	04	1	10		80	KH-THAC	Russian
2	LAI ANH TUAN	P9	08	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐỨC SANG	P9	05	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN GIA CUONG	P9	06-07	2	10		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN CHI HA	P9	01	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC SON	P9	02-03	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN XUAN HOAN	BK10	38-39	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
8	LE VAN THOA	BK10	36-37	2	17		74	CODIEN	Vietnamese
9	AFANASHEV I.IU	TD3	01	1	5		80	KHOAN	Russian
10	LE ANH XUAN	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN HAI NAM	TD3				100	70	KHOAN	Vietnamese
12	VU TIEN DUNG	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
13	BUI HUU VUNG	TD3	87	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN QUANG BAC	TD3	04	1	5	38	70	KHOAN	Vietnamese
15	DO DUY CHINH	TD3	05	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	DO THANH HAI	TD3	02	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
17	CHU VAN THANG	TD3	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	LUU VAN SON	TD3	86	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN LAM GIANG	TD3	03	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VAN THUONG	TD3	88	1	5		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

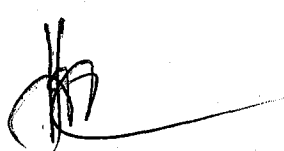
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	6	8	72	390	0	0		
2	BK10	2	4	34	134	0	0		
3	TD3	12	9	47	853	138	22		
TOTAL		20	21	153	1.377	138	22		
WEIGHT KG				153	1.377	138			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam*

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK9+CTK3	7:25	18+0+2	0+0+0		16+0+0	0+0+0	OCHUYỂN 1 PAX TỪ BK9- CTK3
2		P3+PPD+CLO	9:25	6+0+14	0+0+0		0+7+14	0+0+0	0

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2019	TO: TD1 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - DTùng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN LUẬN	TD1	97	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG TUAN ANH	TD1	04-05	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN MANH HUNG	TD1	96	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	93	1	2	30	79	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN THANH TUAT	TD1	01	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	03	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	NINH DUC THUAT	TD1	02	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUY QUANG	TD1	899	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUANG LUONG	TD1	08	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN MANH TIET	TD1	98	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
11	LUONG TAN HAI*MC-PVD	TD1	06-07	2	8		63	KHOAN	Vietnamese
12	HA MANH HAI	TD1	99	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	KHUAT MINH VINH*MC-PVD	TD1	898	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
14	LE SY DUC	TD1	94-95	2	10		67	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG THIEU	TD1	91-92	2	15		72	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	09	1	14		74	DVL	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG QUY	TD1	90	1	12		70	DVL	Vietnamese
18	HA VAN NIEM	TD1	13	1	5		62	PSV	Vietnamese
19	VÔ NGỌC THAI SON	CTK3	17	1	12	54	62	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG PHUC	CTK3	16	1	9		93	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	22	132	1.250	30	16		CHUYEN 01 PAX TU BK9 SANG CTK3
2	BK9	0	0	0	0	30	0		
3	CTK3	2	2	21	155	54	0		
TOTAL		20	24	153	1.405	114	16		
WEIGHT KG				153	1.405	114			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2019	TO: P3 - PPD - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - DTùng	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM CÔNG HẬU	P3	34	1	7		65	PVC-PT	Vietnamese
2	VU ĐÌNH VINH	P3	33	1	9		70	PVC-PT	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THU	P3	32	1	10		72	PVC-PT	Vietnamese
4	LE DINH DAO	P3	35	1	7		48	PVC-PT	Vietnamese
5	NGUYEN VAN PHU	P3	36	1	14		63	PVC-PT	Vietnamese
6	PHAN QUANG HIEN	CLO					65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH XUAN PHU	CLO	900	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KHOA	CLO	97	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	CLO	91	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUAN DUY	CLO	40	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	PHUNG BA TUAT	CLO	94	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	96	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ TRƯỞNG GIANG	CLO	89	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG BANG	CLO	92	1	5	52	77	KHOAN	Vietnamese
15	VU MANH HUNG	CLO	88	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN MINH TUAN	CLO	95	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
17	CU NGOC HONG	CLO	99	1	10		80	DVL	Vietnamese
18	BUI CONG THANH	CLO	93	1	6		75	NIPI	Vietnamese
19	LE VAN PHU	CLO	98	1	7		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	5	47	318	0	0		
2	PPD	0	0	0	0	0	7		
3	CLO	14	13	77	1.009	52	14		
TOTAL		19	18	124	1.327	52	21		
WEIGHT KG				124	1.327	52			

GRAND TOAL: 1.503 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	22+0	0+0		15+6	0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK3-BK4
2		BK3+TD3+BK3+BK4	9:25	2+17+0+2	0+0+0+0		1+13+0+0	0+0+0+0	
3		P8+TD5+TD3	11:25	5+16+1	0+0+0		0+12+3	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD5-TD3

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2019	TO: TD2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - TTung - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN VANG*TT	TD2					83	KHOAN	Vietnamese
2	BUI THO DUONG	TD2	07	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN VĂN DIỆP	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	97	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH QUỐC KHANH	TD2	95	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH DUY HAI	TD2	20	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	22	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	23	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	79	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	19	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN THUY	TD2	92	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	80	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN QUANG	TD2	99	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUU HUNG	TD2	93	1	10	11	76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD2	18	1	11	15	74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HUNG	TD2	21	1	12		67	DMC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DUONG	TD2	77-78	2	20		81	DMC	Vietnamese
18	HÀN ĐẠI HAO	TD2	98	1	12		78	DVL	Vietnamese
19	MESHKOV M.Y.	TD2	94	1	14		77	DVL	Russian
20	MAI VĂN DUONG	TD2	27	1	11		80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD2	96	1	14		77	DVL	Vietnamese
22	LÊ MINH HOANG	TD2	24-25	2	13		81	NIPi	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	22	189	1.648	26	15		
2	RP3	0	0	0	0	25	6		
TOTAL		22	22	189	1.648	51	21		
WEIGHT KG				189	1.648	51			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2019	TO: BK8 - TD3 - BK3 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - HIẾU	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG PHÚ	BK8	29	1	13		80	CODIEN	Vietnamese
2	DƯƠNG HỮU THUẬN	BK8	30	1	6	15	60	CODIEN	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	47	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	46	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	52-54	3	15		46	YTE	Vietnamese
6	FILIPPOV NIKOLAY	TD3					93	KHOAN	Russian
7	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	49	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	42	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	43	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	41	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ SỸ HÙNG	TD3	48	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN KHUÔNG	TD3					87	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TD3	50	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGO DUY THANH	TD3	57	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	55-56	2	10		71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	38-40	3	11		64	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TẤT TUÂN	TD3	58	1	12		62	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LUÂN	TD3	44-45	2	8		60	KHI	Vietnamese
20	KARPUNIN	TD3	51	1	14	25	100	KHOAN	Russian
21	NGUYỄN VŨ HÙNG	BK4	94-95	2	15	10	85	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG QUỐC HUY	BK4	91-92	2	16	30	80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

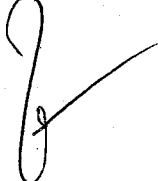
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	2	2	19	140	15	1		CHUYEN 4 PAX BK3 SANG BK4
2	TD3	18	21	103	1.275	25	13		
3	BK3	0	0	0	0	20	0 + 4		
4	BK4	2	4	31	165	40	0		
TOTAL		22	27	153	1.580	100	14		
WEIGHT KG				153	1.580	100			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

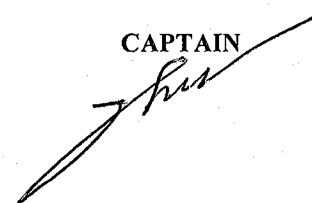
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2019	TO: P8 - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - HIEU	ETA: 13:50
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THANG	P8	71	1	5	42	75	TRUONG V	Vietnamese
2	PHAN THANH DUC	P8	48	1	6	27	70	TRUONG V	Vietnamese
3	VU TRONG THAO	P8	96,99	2	10		58	TRUONG V	Vietnamese
4	DANG THANH TUAN	P8	70	1	7		73	TRUONG V	Vietnamese
5	LUONG MINH PHUNG*TT	TD5	77-78	2	12		62	KHOAN	Vietnamese
6	LE THANH LAM	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
7	LUU VAN PHONG	TD5					73	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG XUAN THI	TD5	88	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TAT THANH	TD5	73	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
10	HO VAN TIEN	TD5	75	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGO QUOC BAO	TD5	72	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN NGOC LINH	TD5	74	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN SILE	TD5	79	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH CONG	TD5	71	1	5	65	86	KHOAN	Vietnamese
15	DO VINH CUONG	TD5	80	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN DIEU	TD5	70	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VIET DUNG	TD5	76	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TAN BINH	TD5	83	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
19	LE THANH THAI	TD5	81-82	2	14		92	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN MINH TIEN	TD5	84	1	7		92	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN BA HUNG	TD3	61	1	7		78	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	4	5	28	276	69	0		CHUYEN 1 PAX TD5 SANG TD3
2	TD5	16	16	83	1.167	65	12	41	
3	TD3	1	1	7	78	0	3		
TOTAL		21	22	118	1.521	134	15		
WEIGHT KG				118	1.521	134			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

